

CHẤT HÀI HƯỚC TRONG THƠ NGUYỄN DUY

Nguyễn Thị Hồng Hạnh¹ và Tạ Chí Hòa²

ABSTRACT

This article focuses on studying the expression of humor in Nguyen Duy's poetry, such as writing war history to normal life, or mentioning the great problems to telling the stories of everyday life. In addition, we also determine the art of presenting the humor in Nguyen Duy's poetry by several art methods such as genre, word, repetition, and tone.

Keywords: *Humor*

Title: *Humor in poetry of Nguyen Duy*

TÓM TẮT

Bài viết này tập trung nghiên cứu biểu hiện của chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy, từ thơ viết về chiến tranh đến thơ nói về cuộc sống đời thường, thơ đề cập tới những vấn đề lớn lao đến thơ về những chuyện đời thường, nhỏ nhặt. Mặt khác, bài viết cũng tìm hiểu nghệ thuật thể hiện chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy thông qua một số phương tiện nghệ thuật như thể thơ, từ ngữ, phép điệp và giọng điệu.

Từ khóa: *Chất hài hước*

1 MỞ ĐẦU

Người Việt Nam vốn thích cười, hay cười nên văn học Việt Nam cũng đậm chất hài hước. Từ văn học dân gian cho đến văn học hiện đại, chất hài hước đã được gìn giữ, phát huy liên tục bởi nhiều thế hệ các nhà văn, nhà thơ. Một trong số những người giữ cho nụ cười luôn nở trên môi người yêu văn chương ấy là Nguyễn Duy, một nhà thơ được yêu mến từ những năm 70 của thế kỷ XX. Thế giới nghệ thuật trong thơ Nguyễn Duy rất phong phú, phong cách nghệ thuật của Nguyễn Duy khá đa dạng, nhưng điểm nổi bật khiến không ít nhà nghiên cứu phải quan tâm chính là chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy. Tuy nhiên, các nghiên cứu trước đây thường chỉ đi vào một khía cạnh nhất định của chất hài hước, do vậy, với bài nghiên cứu này, chúng tôi mong muốn cung cấp một cái nhìn tương đối toàn diện về biểu hiện cũng như nghệ thuật thể hiện chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy.

2 TÌM HIỂU KHÁI NIỆM CHẤT HÀI HƯỚC

Trong Từ điển tiếng Việt, hài hước được định nghĩa là một tính từ, chỉ sự vui đùa nhằm mục đích gây cười (thường nói về hình thức văn nghệ) (Hoàng Phê, 2005). Từ điển Thuật ngữ văn học cũng cho rằng: Hài hước là một dạng của cái hài, có mức độ phê phán nhẹ nhàng, chủ yếu gây cười, mua vui (Nhiều tác giả, 2004).

Thực vậy, hài hước thuộc phạm trù cái hài – một trong những phạm trù thẩm mỹ cơ bản. Vì vậy, khi nghiên cứu về hài hước, các nhà nghiên cứu thường đi từ phạm trù cái hài.

¹ Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

² Trường THPT Nguyễn Khuyến, Sóc Trăng

Cái hài thường gắn bó với cái cười, không phải là tiếng cười thiên về bản năng, sinh lí mà là cái cười gồm có một đối tượng cười (tức cái có thể gây cười và bị cười) và chủ thể cười. Đối tượng cười thường là cái không cân xứng, không hài hòa hay mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung, bộ phận và toàn thể, giữa ý nghĩa và phương tiện, ước muốn và khả năng thực tế, cái được phép và không được phép,... Bản thân đối tượng cười không thể gây nên tiếng cười nếu chủ thể không nhận thức được mâu thuẫn chứa đựng trong nó. Cái hài, do vậy, là một sự nhận thức. Đặc điểm của nhận thức gắn với tiếng cười là sự khám phá một số loại mâu thuẫn nào đó trong sự vật, hiện tượng và quan sát chúng ở một số bình diện khác, từ một phía khác, từ góc độ của cái buồn cười. Đồng thời, cái hài cũng mang khuynh hướng xã hội, cười cái xấu là dám tin, dám khẳng định cái đẹp. Cái hài là một hình thức đánh giá, thể hiện trình độ con người làm chủ đối tượng, làm chủ bản thân mình. Cái hài là vũ khí đấu tranh xã hội.

Tùy thuộc vào tính chất nhiều màu, nhiều vẻ của đối tượng có thể gây cười lẫn chủ thể cười, các nhà nghiên cứu thường chia cái hài ra thành các loại: Hài hước, dí dỏm, châm biếm - mỉa mai và đả kích. Trong bốn cấp độ của cái hài, hài hước là cấp độ đầu tiên bởi “Hài hước là cái cười xuất phát từ những mâu thuẫn bề ngoài và mang tính chất nhẹ nhàng, thoải mái” (Phương Lưu, 2000). Theo Lại Nguyên Ân: “hài hước có bản chất mềm mại, có khả năng chấp nhận mọi hình thức và giọng điệu, thích ứng với mọi tâm trạng của mọi thời đại (Lại Nguyên Ân, 1997). Đỗ Huy, Vũ Trọng Dung cũng cho rằng “hài hước chỉ là sự bông đùa, bông lơn”.

Tiếng cười hài hước dù có tính chất chỉ ra những thói tật, khiếm khuyết của đối tượng nhưng cũng chỉ là tiếng cười có tính chất thoải mái, mong muốn đối tượng cười có thể sửa chữa để hoàn thiện hơn bởi “hài hước dường như chỉ xuất phát từ những ý tưởng cho rằng những thiếu sót, yếu kém của chúng ta thường là sự tiếp tục, sự quá đà hoặc là những mặt trái của những phẩm chất của chính chúng ta” (Lại Nguyên Ân, 1997). Đôi khi, hài hước chỉ nhằm mục đích ca ngợi đối tượng dưới cái cười ngượng ngùng, thân ái che giấu một sự khen tặng.

Nói tóm lại, tiếng cười hài hước được xác định là một kiểu cười đầy thái độ tích cực, mang tính chất cười cợt, thoải mái, nhẹ nhàng, thể hiện sự thân mật, khoan dung. Chất hài hước, do đó, trở nên cần thiết với văn nghệ nói chung và trở thành phẩm chất của thơ Nguyễn Duy nói riêng.

3 BIỂU HIỆN CỦA CHẤT HÀI HƯỚC TRONG THƠ NGUYỄN DUY

Chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy được thể hiện khá phổ biến, bởi theo Lê Thị Thanh Đạm, “Dường như tư chất Nguyễn Duy, chất hài hước thấm vào máu, tạo nên nguồn mạch trong tư duy thơ, cho nên anh nhìn vào đâu, vào bất cứ cái gì cũng hé lộ sự hài hước, âu đó cũng là phần bản chất của đối tượng” (Lê Thị Thanh Đạm, 2009). Thực vậy, đối tượng tiếng cười trong thơ Nguyễn Duy hết sức phong phú, đa dạng, từ những chuyện đã lùi vào quá khứ đến những chuyện đang diễn ra hằng ngày, từ những vấn đề lớn lao đến những chuyện đời thường, thậm chí vụn vặt.

Viết về những năm tháng chiến tranh đầy gian khổ và hi sinh mất mát, Nguyễn Duy đã ít nhiều đem hài hước vào thơ. Ít ai lại nói về cảnh tượng một làng quê bị ném bom bằng một giọng bông đùa như ông: “bom Mỹ dội – nhà bà tôi bay mất/ đèn Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền/ thánh với phật rủ nhau đi đâu hết” (**Đò lèn**). Cũng không phải ai cũng để ý thấy những phút giây vui tươi ngoài mặt trận thế này: “Nhận mặt họ hàng ngoài mặt trận/ ríu rít anh em ngã ba binh trạm/ đèn pin...bật lửa...chia quà tặng” (**Dòng sông mẹ**). Nhà thơ cũng khéo tạo nên những bất ngờ nho nhỏ sau những câu chuyện kể khiến người đọc dễ bật cười, dấu biết rằng ở đây là một cái nhìn nghiêm túc về truyền thống anh hùng và nhân đạo của dân tộc ta. Cụ thể, đó là cách trả lời phỏng vấn đầy táo bạo của chiến sĩ Việt Nam với một nhà báo nước ngoài khi được hỏi về người Mỹ: “Những tên Mỹ giặc trời/ rơi xuống đất/ chỉ có hai tư thế: /một là giơ tay hàng/ hai là cháy thành than!” (**Phỏng vấn**), hay hành động bất ngờ của chị dân quân với tên giặc nợ máu bị bắt: “Không bỏ cái đầu bõm cú rập/ Mà bỏ một trái dưa cho con đói khát” (**Từ quả bom đến quả dưa**),...

Tất nhiên, nhà thơ ý thức được rằng “Mọi cuộc chiến tranh/ phe nào thắng thì nhân dân đều bại...” nên ông vẫn muốn “Nhắc nhân loại một thời ngu/ nhắc nhân loại nghỉ chơi trò đồ máu” (**Boston 1995/ Bụi 1997**) và khi gặp một người lính Nga trẻ, ông đã thắm chúc “Chúc chú mày cứ đẹp như cây cảnh/ Và, lạy trời/ Không bao giờ phải ra trận” (**Gặp một người lính trẻ**). Nói đến những vấn đề lớn lao và sâu sắc bằng một cách nói chân phương và có phần suồng sã như vậy hẳn chỉ có thể là một người quen hài hước.

Nói chung, trong thơ viết về chiến tranh của Nguyễn Duy, giọng hài hước không phải là giọng chủ đạo nhưng không phải không có những câu thơ tếu táo, hóm hỉnh. Có điều, đằng sau nụ cười ấy, bao giờ cũng là một cái nhìn nghiêm túc về chiến tranh và đầy trù mến với con người.

Bước sang thời bình, cuộc sống bộn bề khi gặp con mắt vui tếu của Nguyễn Duy như bày ra bao nhiêu cái để cười, cũng vì vậy mà chất hài hước có đậm đà hơn.

Nhà thơ nhìn thấy gì ở đất nước mình?

Đó là một nền kinh tế với nhiều chuyên viên “ào ạt sóng gió thời quá độ/ đánh tư sản – đổi tiền – điều chỉnh lương – tăng giá/ ba lợi ích bung ra rồi lại thít vào/ rồi đổi mới cơ chế quản lí kinh tế” (**Mười năm bầm đốt ngón tay**). Cơ chế thị trường đang chi phối chính trị “có thể nước này mua trọn gói nước kia/ có thể lập những liên doanh ma quỷ/ những công ty bán nước từng phần” (**Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ**) và len lỏi vào từng nếp sống, nếp nghĩ “Cô em cầu cạnh gì đây?/ cầu cho giá gạo hàng ngày đừng lên..” (**Ghi chép chùa Hương**), “Trực giác có chịu chứng mắt chuẩn/ trí giác hồi này cũng uốn éo hình sin”, “Thiên hạ buông lời cái nhìn thành thực” (**Hoa hậu vườn nhà ta**),...

Đó là một nền giáo dục: “Thầy giáo giảng rằng/ nước ta giàu lắm.../ lớp lớp trẻ con cứ thế học thuộc bài” (**Đánh thức tiềm lực**), “Xứ sở thông minh/ sao thật lắm trẻ con thất học/ lắm ngôi trường xơ xác đến tang thương.../ Bịt mắt bắt dê đâu cũng đụng thần đồng/ mở mắt...bóng nhân tài thất thế” (**Nhìn từ xa tổ quốc**),...

Đó là một nền văn hóa của “Xứ sở từ bi sao thật lắm thú ma/ ma quái ma cô-ma tà-ma mãnh”, “Xứ sở linh thiêng/ sao lắm đình chùa làm kho hợp tác” (**Nhìn từ xa Tổ quốc**). Ở đó, người ta xem “Loài thánh ngoan từ lâu rồi” (**Thấp nhang và khấn**), người ta dám “buôn bán cả người xưa!” (**Lăng ông**), và người ta thích “sắm sửa cho ma/ ngựa xe khăn áo lụa là kim ngân” (**Hàng mã**),... Những người tiêu biểu cho bộ mặt văn hóa, xem chừng cũng tự đánh mắt mình “Thiền sư theo chợ bỏ chùa/ loay hoay thui chó nửa mùa hết rom” (**Thiền sư**), “thi sĩ đi buôn”, “thi sĩ làm quan”, “thi sĩ mập ù” (**Chùm thi sĩ**), “Nhà đạo đức nhìn he hé mắt/ Nhà chức sắc nhìn nghiêng/ Nhà phê bình nhìn xiên/ Nhà thơ lơ mơ nhìn cuộc hóa gà/ Nhà nhiếp ảnh nhìn vắn vắn vèo vèo/ Nhà báo nhìn lắt la lắt léo” (**Hoa hậu vườn nhà ta**),...

Tất nhiên, đó không phải là tất cả bộ mặt xã hội mà chỉ là những cái nghịch lí, trái khoáy mà Nguyễn Duy phát hiện ra ở xã hội, ở thời buổi mình đang sống. Chúng đều được nói đến bằng một cách nói nửa nghiêm trang nửa đùa cợt. Vì thế, chúng ta có thể hiểu Nguyễn Duy nêu những điều ấy ra là để sửa chữa, để tống tiễn cái hạn chế, cái lạc hậu “một cách vui vẻ”. Thơ Nguyễn Duy, nhờ đó, có tính thời sự, có giá trị hiện thực và tác dụng nhận thức rõ nét mà vẫn hóm hỉnh, dí dỏm.

Cười đời, Nguyễn Duy cũng không quên cười mình, như một sự tự phê bình nghiêm khắc. Trong khi bạn bè “Đứa thành lãnh đạo đứa về làm thuê/ còn anh nghễnh ngãng làm nghề mộng du (**Gửi về Lam Sơn**). Vì cái sự nghễnh ngãng, mộng du ấy mà làm khổ vợ “Thông thường thượng giới rong chơi/ trần gian choang choác sự đời tùy em” (**Vợ ốm**), khổ con “Cha con chúa chôm loanh quanh/ anh như nguyên thủ tanh bành quốc gia” (**Vợ ốm**), “Con ơi cha mắc bệnh thơ/ ú ơ ú ớ ù ở kinh niên/ Dở khôn dở dại dở điên” (**Tập ru con**). Nhưng nhờ ý thức được vậy nên gã nhà thơ có “Dạ dày còn nửa phần thôi/ phần tư bộ óc và mười quả tim” (**Tập ru con**) ấy tưởng chừng chỉ biết “ngâng đầu đưa khói vào mây/ nghênh ngang hiên triết điệu cày thẳng thiên” (**Thuốc lào**) khi cần cũng nhận thức được rằng “Tâm hồn ta - một khối vàng ròng/ thôi đành bán bớt đi từng mảnh nhỏ” (**Bán vàng**) để rồi “Một thi nhân hoá phẩm phẩm ngựa thồ (**Vợ ốm**). Giống như các nhà Nho xưa, Nguyễn Duy cũng dành một phần không nhỏ trong thơ mình để tự trào, tự nhắc nhở ý thức, trách nhiệm của mình. Trong thơ ông, ta còn thấy được sự ý thức đã được hiện thực hóa thành những hành động cụ thể. Qua chân dung tự họa gần như biếm họa, Nguyễn Duy đã một lần nữa cho thấy “com áo không đùa với khách thơ”, mặt khác cũng cho thấy ông dù có “mộng du” nhưng cũng vẫn có “mười quả tim” và có nỗ lực đem lại hạnh phúc cho gia đình.

Không chỉ cười những hạn chế của thời cuộc, những mặt trái của xã hội, không chỉ nhạo những yếu kém của chính mình, Nguyễn Duy còn cười với những cái ngộ nghĩnh, đáng yêu quanh mình, liên quan hoặc cũng chẳng có mối liên hệ với mình. Nói cách khác, tiếng cười trong thơ ông không chỉ mang tính chất giáo hóa mà rộng hơn, nó là tiếng cười tồn tại giữa cuộc đời và được tạo nên bởi bản tính hay ghẹo, thích ghẹo của Nguyễn Duy. Chu Văn Sơn trong bài viết **Nguyễn Duy thi sĩ thảo dân** từng nói: “cái tạng của gã khoái ghẹo hơn. Không chỉ ghẹo trong tình tang, gã ghẹo trong tình đời. Lối ghẹo dân gian chỉ bóng gió vòng vo, đến gã đã đa dạng, đa thanh và đầy sinh khí hiện đại. Gã trêu hoa ghẹo nguyệt rõ khéo, mà ghẹo

thế bốn đời còn điệu nghệ hơn” (Chu Văn Sơn, 2003). Thế cho nên, gặp gì, nhà thơ cũng gheo được, cũng thấy ở đó có cái ngộ nghĩnh, tếu táo.

Những hiện tượng tự nhiên bình thường cũng đi vào thơ ông một cách thú vị: Tiệc trời vàng một mâm trăng/ Oái ăm chưa – Bóng tối ăn trước mình (**Rằm nguyệt thực**), Chiều đang sâu thắm một màu/ tự dung lộng độn ngang đầu - ồ mưa! (**Mưa trong nắng nắng trong mưa**), Ôi giờ ơi...nỡn nà chưa/ bột trình bạch đầy – giờ vừa rây xong/ hình như gò trắng phập phồng/ bao nhiêu con gái ngủ trong tuyết dày (**Trắng và trắng**). Đến những con vật bình thường nhất cũng đi vào thơ ông một cách độc đáo: “Con sò con ốc con nghêu/ ngửa trên bãi biển như trêu con cò (**Lời ru con cò biển**), Chân đời oăng oăng gâu gâu/ biết thân biết phận gỏi đầu lên chân (**Biết thân biết phận**), Chú hải âu to đùng mỏ vào kính cửa sổ/ thực tình mình không có gì cho chim cá/ mẩu bánh mì khô vỡ vụn từ đêm qua/ con chim biển gặt gù/ được... được... được...(**Tiếng gõ**). Ngay đến trái cây cũng có hẳn một tập hợp sinh động với “quả để ăn thì chín/ quả để thờ thì xanh” (**Chuối**), “hồng ngâm xanh lét cũng tên là hồng” (**Hồng**), “nắm lại thành quả đấm như chơi” (**Phật thủ**), “con mắt nhãn mọc sẵn bày ra đĩa/ trọn trừng trừng sơn hết cả da gà” (**Mắt nhãn**), “mắm tôm quệt múi mít/ răng thì là sâu riêng” (**Sâu riêng**),...

Thế giới vô tri, vô thức còn có cái vui nhộn, đáng yêu như vậy, thế giới của con người, chủ thể, đồng thời là khách thể của tiếng cười lại càng có nhiều cái đáng nói hơn.

Đối tượng được nhắc đến nhiều nhất vẫn là những cô gái vì có lẽ, chàng thanh niên nào, người đàn ông nào mà chẳng thích và từng “gheo gái”. Đó là cái tình cảm tình nghịch thời học trò “Học trò con trai ma quỷ/ Học trò con gái thần tiên/ Thầy bắt thần tiên ngồi kèm ma quỷ/ bèn hỏi ma quỷ gheo thần tiên” (**Kính gửi tuổi học trò**). Đó là cái tình cảm mới bén của ngày mới lớn “một hôm ta thấy bạn ta then thùng/ vỗ che ngực nhú ngai ngừng/ ta ngơ ngẩn ngó má hồng hây hây” để rồi “ngửa nga ngửa ngáy cỏ may trong lòng” (**Áo trắng má hồng**). Rồi thì từ vựng đại cho đến táo bạo, cái gheo của Nguyễn Duy càng ngày càng nhiều vẻ hơn: “đừng hà tiện đáng thanh xuân/ em chia cái đẹp nhớ phần cho tôi (**Nét và hình**), “Ai xui người trở về đây/ mẹ răn vẫn nhớ. Xuông đây vẫn qua (**Xuong đây**), “Chờ em từ bây tới giờ/ làm như cái vẻ tinh cò qua đây (**Ca dao vọng về...**), “Võng đưa người nọ cọ người này/ Đàng ấy lúc lắc, tứ lúc lắc/ Tóc tơ gì vương cả sang đây (**Nằm võng đi ra bể**). Đến cả những cô gái ở xứ sở văn minh, hiện đại Nguyễn Duy cũng không bỏ sót: “Ta phù phép hóa thân nắng ấm/ phủ làn da run rẩy đối mặt trời (**Tí tẹo Bắc Âu**). Hoặc cả đến những nhân vật nữ trong văn học dân gian xưa cũng có mặt đông đủ trong thơ ông: “Kính thưa thị Nở tuyệt trần/ trắng ngòn ngòn trắng khóa thân với người”, “Kính thưa thực nữ Thị Mầu/ yêu siêu cỡ đó trước sau mây người”, “Kính thưa Thị Đốp đoan trang/ mòm móm móm móm gõ khan như gi”, “Kính thưa Thị Kính láng giềng/ ái ân thì ít oan khiên lại nhiều” (**Kính thưa Liên Thị**). Có thể thấy, “gheo gái” có bao nhiêu cách thì thơ Nguyễn Duy cũng có bấy nhiêu, lúc thì ngộ nghệ, ngượng ngùng, lúc lại ranh mãnh, quỷ quái.

Bên cạnh tình cảm với phái đẹp, thơ Nguyễn Duy vẫn còn nhiều chỗ cho những người khác. Và tất nhiên, tình cảm ấy cũng thường được thể hiện bằng một giọng vui tếu. Đó là “lũ bạn trai trời đánh thánh vật/ Ông Dậu lao công quang quác la” (**Gửi về Lam Sơn**); là cổ nhân “Đồng hí hoáy cổ nhân đi cây/ Mông nứt đôi nhẵn

nại chông lên trời (**Về đồng**); là ông già sông Hậu “Ông già giống cha tôi quá thể/ Đi làm đồng có xi để giặt lưng” (**Ông già sông Hậu**), thậm chí là “ni cô má lúm đồng tiền/ bát canh rau sắng ngọt quên đường về” (**Cõi Phật**),... Với những con người ấy, bao giờ giọng hài hước cũng đi cùng một tình cảm triu mến, cảm thông hay kính phục.

Với người thân, tình cảm ấy càng đậm đà hơn, song vẫn được nhà thơ nói đến bằng giọng hài hước vốn có của mình. Với cha, đó là người cha “Bụng nhăn lép kẹp như chưa có gì/ Không răng... cha vẫn cười khi (**Về làng**). Với vợ, đó là người vợ “em vẫn nguồn nhuận bút suốt đời ta” (**Nợ nhuận bút**). Với con, đó là “léch thếch xâu tàu há mồm lóc nhóc” (**Nợ nhuận bút**),...

Nói tóm lại, đọc thơ Nguyễn Duy, ta thường bắt gặp chất hài hước. Hài hước trong nhẹ nhàng chê trách những nghịch lí, những hạn chế, những cái cần sửa chữa, đồng thời hài hước trong khen tặng, quý mến và trân trọng những cái đáng quý cũng như hài hước chỉ vì thích ghẹo, vì bắt gặp cái đáng yêu, đáng cười. Càng về sau, cũng có lẽ càng nhiều tuổi và từng trải, nhà thơ càng hài hước hơn. Song, dù ở thời điểm nào, chất hài hước trong thơ ông cũng đi cùng hiện thực cuộc sống, thể hiện những nhận thức nghiêm túc, những nhận xét chính xác, những chiêm nghiệm và triết lí sâu sắc. Hơn nữa, đằng sau giọng bông lơn, đùa cợt, ta vẫn thấy một tấm lòng dạt dào tình cảm, một ý thức trách nhiệm và một khát vọng đổi mới.

4 NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CHẤT HÀI HƯỚC TRONG THƠ NGUYỄN DUY

4.1 Thể thơ

Nguyễn Duy sáng tác bằng nhiều thể loại thơ khác nhau, song nhiều nhất và hay nhất thường là thơ lục bát và thơ tự do.

Trong bài viết *Đi tìm tiềm lực trong thơ Nguyễn Duy*, Nguyễn Quang Sáng đã từng nhận xét: “Nguyễn Duy vốn có ưu thế và trội hẳn lên ở thơ lục bát” (Nguyễn Quang Sáng, 1987). Khảo sát tuyển tập thơ của Nguyễn Duy, Vũ Thị Mai nhận thấy có đến 152 bài thơ lục bát trong tổng số 280 bài thơ, một tỉ lệ áp đảo!

Thơ lục bát Nguyễn Duy thể hiện khá rõ chất hài hước. Theo Lê Thị Thanh Đạm, “Chất hài hước vào thơ lục bát của Nguyễn Duy tạo cho thơ có khả năng phá vỡ qui phạm, biến thể” (Lê Thị Thanh Đạm, 2009). Vũ Thị Mai thì liên tưởng đến chiếc áo dài – quốc phục của người Việt khi nói đến lục bát Nguyễn Duy, vẫn là chiếc áo dài truyền thống nhưng đã được cách tân tạo nên sự trẻ trung, duyên dáng và tự tin,...

Sự cách tân thể hiện rõ ở **cách ngắt nhịp** đầy biến hóa trong thơ lục bát trong thơ Nguyễn Duy. Từ quan niệm “*cứ bèo bọt bước thiên di/ đưa chân lục bát mà đi loảng ngoảng*” (**Bao cấp thơ**), nhà thơ thường chèn nhỏ câu thơ ra: “*Chao.../đêm đẹp biết chừng nào// Vẫn xin em/chớ/ làm sao giữa trời*” (**Ca dao vọng về**), “*Nắng. Hoa đồng nội chói chang...*” (**Rau muối**), “*Em – Hoa đào muện Kỳ Lừa mùa xuân*” (**Lạng Sơn**), “*Em – Thân nhan sắc trời sai giáng trần*” (**Nét và hình**),... Đánh giá cách ngắt nhịp trong thơ Nguyễn Duy, Lại Nguyên Ân cho rằng: “*Không mượt mà, ngân nga, cũng không dồn toa trúc trắc. Mà cứ nói như không. Ngẫu hứng mà gia công, gia công mà ngẫu hứng, ấy mới thực là thứ lục*

bát giàu sinh lực”. Chu Văn Sơn cũng nhận xét chất hài hước trong thơ lục bát Nguyễn Duy bằng một so sánh ngộ nghĩnh: “*Có lẽ bản lĩnh lục bát của Nguyễn Duy là ở đây, cứ như vũ nữ trên dây, lắm lúc tưởng bước chân nhón đi trong vũ điệu thơ sắp khuyu xuống hóa thành về đến nơi rồi, thế mà không, vẫn cứ lúc lắc đong đưa thế, vẫn cứ thơ thế*” (Chu Văn Sơn, 2003).

Không chỉ dừng lại ở cách ngắt nhịp, lục bát của Nguyễn Duy còn vui tươi nhờ việc tiếp thu **cách nói ngược trong hò và dân gian** để sáng tạo nên những câu thơ vừa quen vừa lạ: “*Siêng làm xúc phạm phàm ăn/ Kẻ đi xúc phạm kẻ nằm dài lưng/ Cái sang xúc phạm cái hèn/ Cái ngay xúc phạm cái kẻo bầm sinh*”/ *Nàng chơi đẹp xúc phạm chàng xấu chơi*” (**Xâm ngọng**). Chúng ta còn gặp những cặp phạm trù nói ngược ấy trong nhiều bài thơ khác của Nguyễn Duy như: *Nhìn từ xa tổ quốc, Đánh thức tiêm lực, Mười năm bầm đốt ngón tay*... “*Ở đó những cặp sóng đôi thường có sự đảo ngược về tính chất, đặc điểm hoặc chức năng. Nói cái ngược là để làm rõ hơn cái thuận, để tạo sự hài hước ngộ nghĩnh, để làm sâu thêm nhận thức về đặc điểm của sự vật.*” (Phạm Thị Thu Yên, 1998).

Bên cạnh thơ lục bát, **thơ tự do** cũng là một thể loại nổi bật trong sáng tác của Nguyễn Duy với những bài thơ gây được tiếng vang lớn như: *Mười năm bầm đốt ngón tay, Đánh thức tiêm lực, Nhìn từ xa ... Tổ quốc, Hơi ẩm ở rom, Giọt nước mắt và nụ cười, Hoa hậu vườn nhà ta, Nghe tiếng tắc kè kêu trong thành phố*,... Với độ dài ngắn của các câu thơ, bài thơ, cách ngắt nhịp..., những bài thơ tự do của Nguyễn Duy đã thể hiện sự phóng khoáng trong tâm hồn nhà thơ cũng như sự tinh nghịch, hóm hỉnh của ông.

Nguyễn Duy có nhiều bài thơ chỉ có hai câu (**Thiền sư, Xanh, Đỏ, Vàng**,...) nhưng lại có những bài thơ cực dài (**Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, Mười năm bầm đốt ngón tay**,...) như thể tùy theo lúc thích đùa một chút hay đùa dai vậy. Lại có những câu thơ chỉ có một từ trong khi có những câu thơ rõ dài: “*Xích lô máy và xe lam vừa chạy dầu vừa nã đại liên vừa phun khói độc*” (**Đánh thức tiêm lực**). Đặc biệt, trong câu thơ, cách ngắt nhịp “thất thường” cũng đem lại những hình ảnh và ý thơ độc đáo, đáng yêu: “*Đói là mò về/ com đâu/ vợ ơi...*” (**Vợ ơi - 1999**), “*Ruồng/ tênh hênh/ bịch/ roi/ về/ cỡi em...*” (**Trở Về**), “*Búa và đục/ Hùng hục/ ục/ Mảng và khói/ Hôn phối phù thủy (Mảng và khói)*”,... Có người từng nói Nguyễn Duy làm thơ theo hai nhịp điệu, nhịp điệu của cuộc sống và nhịp điệu của tâm hồn. Thực chất, nhà thơ nào cũng vậy, có điều, ở Nguyễn Duy, ta thấy thấp thoáng đằng sau nhịp điệu là một con người vui tính, đầy thú vị và giàu khả năng sáng tạo. Ông đã dùng độ dài ngắn, nhịp nhanh chậm để diễn tả nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau với cái hăng say, gấp gáp, rộn ràng, và cả cái bộn bề, rối rắm cũng như cái chơi vui, hệt hăng. Nhưng nhịp điệu chung vẫn là nhịp điệu của tiếng cười, lúc giòn tan, lúc thâm trầm, ngân nga.

4.2 Phép điệp

Nguyễn Duy rất chú ý sử dụng phép điệp trong thơ với các hình thức điệp từ, điệp ngữ hay trùng điệp ngữ đoạn. Có khi để thể hiện cái ồm ồm, vòng vo: “*Tôi lơ đãng nhìn em lơ đãng*”, “*Nhà ta ở tận nhà ta*”, “*Máy cũ kỹ mua từ thời cũ kỹ*”,... Có khi để tạo nên nhịp dồn dập, tăng tiến: “*vẫn là em... cộng thêm chút mơ màng/ ...vẫn là em... cộng thêm chút điều hiu/ ...vẫn là em... cộng thêm chút xôn xao/.../ ...vẫn*

là em... cứ chậm chậm mà thân/ Vẫn là ta... cứ lạ mà gần” (**Làm quen**). Khi lại liệt kê để vươn tới sự khái quát hóa: “Người đầu ngày đó vô tư/.../ Vô tư như thực như mơ/.../ Vô tư thế chấp đời người/.../ Vô tư đặt cọc tận cùng chiến tranh/.../ Liền em vô tư liền anh (**Vô tư, 1994**), “Người làm toán khiêu vũ con số/ người buôn khiêu vũ tiền/ Đi biển khiêu vũ sóng đi cày khiêu vũ thần tiên/...quyền lực khiêu vũ mưu lược/ bao tử lép kẹp khiêu vũ đủ thứ” (**Khiêu vũ**). Có những thứ nói nhiều lần nghe thật nhàm tai, nhưng lại có những thứ nghe mãi không chán. Những câu thơ được nhắc đi nhắc lại của Nguyễn Duy thuộc vào loại thứ hai. Phép điệp trong thơ Nguyễn Duy như một sự cố tình nói lặp. Nói lặp mà không lặp, nói lặp để nhấn mạnh, để mở rộng và cũng để tạo nên giai điệu. Nó khiến người nghe càng nghe càng thấu suốt hơn, đồng thời nhận diện rõ hơn sự hài hước của nhà thơ.

4.3 Từ ngữ

Nhận xét về thơ Nguyễn Duy, Nguyễn Quang Sáng từng nói: “*Thơ Nguyễn Duy đượm tính dân tộc và nhuần nhuyễn ngôn ngữ dân gian. Lời thơ đơn sơ gần với khẩu ngữ*” (Nguyễn Quang Sáng, 1987). Thật vậy, **khẩu ngữ** được đưa vào trong thơ Nguyễn Duy một cách rất tự nhiên: “Ông già giống cha tôi quá thể/ Đi làm đồng có xì để giặt lưng” (Ông già sông Hậu), “Khi trong túi có mấy đồng ngo nguây/ Ta chạy rông như gì nhĩ quên đời” (**Vợ ơi**), “Ai sinh ra thối tình tang/ Để ai hoá gió lang bang quên nhà” (**Vãi thiêu**), “Chân mây hơi bị cuối trời/ Em hơi bị đẹp anh hơi bị nhàu..” (**Hỏi thăm**), Liền em vô tư liền anh (**Vô tư, 1994**), “Cái thời chưa nhhiễm SIDA/ Yêu lẫn yêu lóc la đà đã chưa” (**Được yêu như thể ca dao**),... Ta còn thấy trong thơ ông các từ như *sụi, lông thông, quơ, vãi linh hồn... Phương ngữ* cũng xuất hiện khá nhiều trong thơ Nguyễn Duy: “Xa nhau cực nhớ cực thèm/ Ai về Hà Nội gửi em đôi nhời” (**Cơm bụi ca**), “Qua ngâm chán, sống nghĩa là xả láng/ Ăn hết nhiều, chứ ở hết bao nhiêu/ Nhà cửa tà tà che lá dừa lá mía/ Nón áo khỏi lo nhưng nhậu phải đều đều” (**Ông già sông Hậu**),...

Đây hẳn là những từ thường được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân ta ở các vùng miền khác nhau, thậm chí có những từ mới chỉ xuất hiện gần đây (*siđa, hơi bị, cơm bụi,...*). Vì thế, khi xuất hiện trong thơ Nguyễn Duy, chúng đã đem lại sự tươi rói của cuộc sống cũng như thể hiện chút ngang tàng, “bụi đời” của Nguyễn Duy. Từ thực tế đó, chúng ta có thể thấy Nguyễn Duy đã làm như ông từng nói: “*Có người nói nhà thơ là người sáng tạo nên ngôn ngữ. Như vậy theo tôi là nói dốt. Nhà thơ chỉ là người sàng lọc, phát hiện, nâng cao và phổ biến bằng ngôn ngữ của quần chúng lao động. Với tôi, tôi viết bằng lòng dân, tình dân, hồn dân và ngôn ngữ của nhân dân*” (Nguyễn Duy, 1994).

Bên cạnh khẩu ngữ và phương ngữ, **từ láy** trong thơ Nguyễn Duy thực sự đã trở thành một hiện tượng gây chú ý. Cũng vẫn là những láy đôi, láy ba, láy tư mà ai cũng biết, nhưng khi đi vào thơ Nguyễn Duy, chúng dễ tạo nên một tiếng cười: “và nghêu ngao lông thông hò vè/ giun dế du dương ênh ương đắm đuối” (**Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ**), “Nhớ không sống ộp oạp xuôi/ Gió oằn oại hôn hên trời phù sa” (**Kính thưa thị Nữ**), “Xanh xanh đỏ đỏ bùng bùng/ Tưng tung tưng tung tưng tung tưng tung đã đời” (**Cung vãn**), “Vỗ bụng ngật ngưỡng hát/ Thơm thum thơm thum thơm thom/ Nổi nhớ ngứa cả mũi/ Thòm thòm thòm thòm thòm” (**Sâu Riêng**), “Ở đâu có những người con/ Mang theo cái nồn nòn non lên rừng”, “Ngáp nga ngáp ngưỡng kêu ma/ Hoá ra ta gặp bóng ta trên tường” (**Gặp ma**), “Bia lon thôn thên

người lon/ Ênh ênh ệch hõn hon thùi lùì” (**Boston**), “Đàn kêu tung tung tung tung/.../Đàn kêu tinh tinh tinh tinh” (**Xâm ngọng**), “Áo trắng/ là áo trắng bay/ Tháp tha thấp thoáng tháng ngày mỏng manh” (**Áo trắng má hồng**). Từ láy vốn đã mang tính tượng thanh, tượng hình cao, Nguyễn Duy có lẽ lại cố tình nhạo, nhại đối tượng của mình bằng những từ láy có tính chất âm tính, có nghĩa tiêu cực hoặc có tính khẩu ngữ nên khi đọc, chúng ta có cảm giác nhà thơ đang “*ngheêu ngao hát ngọng ngheo chơi*”, còn đối tượng dường như cũng biết đùa.

4.4 Giọng điệu

Thơ Nguyễn Duy có ba giọng điệu chính là *giọng điệu dân gian, giọng điệu trữ tình – triết lý, giọng điệu hài hước gây cười*. Trong giọng điệu hài hước, chúng ta lại nhận thấy có hai kiểu hài hước, lúc nhẹ nhàng, sâu sắc, lúc mạnh mẽ, táo bạo. Thực vậy, có khi ta thấy sự hài hước đi cùng cái duyên dáng, ý vị: “*Ớt Đông Ba có còn cay/ Gạo de An Cựu độ này còn thơm/ Hỏi thăm hoa gạo bên đường/.../ có gì hôm ấy lấy chồng hay chưa?*”, “*Không trâu mà cũng chẳng cau/ Làm sao cho thắm môi nhau thì làm*” (**Được yêu như thể ca dao**), “*Bông dưng bạn ấy lấy chồng/ Bỏ ta lại giữa mùa đông xám trời*” (**Áo trắng má hồng**). “*Ca dao vọng về*” trong thơ Nguyễn Duy hay vì mền bậc đàn anh Nguyễn Bình đã khiến Nguyễn Duy có những câu thơ nhuần nhị nhường vậy? Thế mà có lúc lại táo tợn đến bất ngờ: “*Tôi vô thân/ tôi chã tin/ trời rộng tuếch kia có Thiên Đường Thượng Đế/ đất ngàn độ dung nham kia có Địa ngục Diêm Vương/ không khí loãng ngát ngưỡng Phật và Chúa*”, “*cầu Chúa cầu Phật cầu tất tạt Thánh Thần/ Xin chur vị cứ ngôi nào việc ấy*” (**Thấp nhang và khấn**), “*cặp trai gái chềnh ênh giữa cỏ/ chàng bò khoang ngừi đất nằng bò khoang*” (**Chuông chiều**), “*Tỏ tỏ rót rượu vô chai/ Buồn thân phận luỳnh loãng vài bọt tằm*” (**Rót ngược**). Thậm chí, có những câu thơ khiến ta giật mình như gặp lại nữ sĩ Hồ Xuân Hương: “*Pháp pha pháp phối nhiều điều/ Ái ân phần phật tình yêu không thành*” (**Đỏ**), “*Kính thưa thực nữ Thị Mầu/ yêu siêu cỡ đó trước sau mấy người/ Mấy ai dám chịu dám chơi/ dám ai vỗ cái mặt đời như em*” (**Kính thưa Thị Mầu**), “*Người chui lỗ Khai Hoàn Môn/ Gió luồn toác lỗ càn khôn. Giá mà...*” (**Paris mùa phơi**). Tùy theo từng trường hợp mà Nguyễn Duy sử dụng giọng điệu hài hước theo kiểu nào nhưng nhìn chung “*giọng điệu trào lộng trong thơ Nguyễn Duy có biểu hiện lấn lướt các giọng điệu khác*” (Lê Thị Thanh Đạm, 2009). Với giọng điệu dân gian, ta vẫn thấy trong đó có giọng hài hước của “*vai hề áo ngắn và xâm ngọng*”, tất nhiên có “*gắn với cốt cách hiện đại*”. Với giọng điệu trữ tình - triết lý, giọng hài hước cũng chen vào “*như là để phá bớt cái trầm bổng quá ư xuôi ngọt, phá bớt cái vẻ rưng rưng thống thiết cứ dâng cao lên làm căng thẳng và mệt mỏi tâm lý cảm thụ*” (Lại Nguyên Ân, 1997). Như vậy, giọng điệu hài hước hẳn là giọng điệu chủ đạo và đã góp phần quyết định trong việc tạo nên chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy.

5 KẾT LUẬN

Phân khảo sát trên chỉ dừng lại ở những yếu tố nội dung và hình thức nổi trội trong việc thể hiện chất hài hước trong thơ Nguyễn Duy. Tuy nhiên, qua đó, chúng ta có thể nhận thấy rằng chất hài hước thực sự đã trở thành một đặc trưng thẩm mỹ trong thơ Nguyễn Duy để rồi ai một lần từng đọc thơ ông sẽ không thể quên “*ở đó thấp thoáng một nụ cười, một cách nói hóm hỉnh mà không kém phần*

đằm thắm” (Lê Quang Hưng, 1997). Đó cũng là một cách giữ gìn truyền thống thích cười, hay cười của người Việt Nam, là một bước tiếp nối cho dòng văn học hài hước Việt Nam từ văn học dân gian đến văn học hiện đại. Hơn hết thấy là khẳng định một phong cách hài hước vừa đậm đà cốt cách dân tộc lại hết sức tân thời và đầy cá tính, góp phần làm phong phú cho tiếng cười Việt Nam nói chung và tiếng cười trong thơ Việt Nam nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Quang Huy. 1996. *Thơ ca trào phúng Việt Nam*. Nxb Đồng Nai
- Các tập thơ Nguyễn Duy: *Ánh trăng, Mẹ và em, Quà tặng, Về, Vợ ơi*.
- Chu Văn Sơn. 2003. *Nguyễn Duy thi sĩ thảo dân*. Tạp chí Hội nhà văn số 3
- Hoàng Phê (chủ biên). 2005. *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển Hà Nội. Đà Nẵng
- Lại Nguyên Ân. 1997. *150 thuật ngữ Văn học*. Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
- Lê Bá Hán- Trần Đình Sử- Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên). 2004. *Từ điển thuật ngữ Văn học*. Nxb Giáo dục. Hà Nội
- Lê Quang Hưng. 1986. *Thơ Nguyễn Duy và Tập “Ánh trăng”*. Tạp chí Văn học số 3
- Lê Thị Thanh Đạm. 2009. *Đặc điểm thẩm mỹ thơ Nguyễn Duy* (chuyên luận). Nxb Văn học. Hà Nội
- Nguyễn Duy thơ*. 2010. Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội
- Nguyễn Quang Sáng. 1987. *Đi tìm tiềm lực trong thơ Nguyễn Duy*, Báo người Hà Nội số 48. Hà Nội
- Nhiều tác giả. 1997. *Phê bình văn học: Bằng Việt, Phạm Tiến Duật, Vũ Cao, Nguyễn Duy*. Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội
- Phạm Thu Yên. 1998. *Ca dao vọng về trong thơ Nguyễn Duy*. Tạp chí Văn học số 7
- Phương Lựu (chủ biên). 2000. *Li luận văn học*. Nxb Giáo dục. Hà Nội
- Vân Trang, Ngô Hoàng, Bảo Hưng (sưu tầm và biên soạn). 1997. *Văn học 1975 – 1985: Tác phẩm và dư luận*. Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội
- Vũ Thị Mai, *Lục bát Nguyễn Duy*, <http://diendankienthuc.net/diendan/luan-van-tieu-luan/16547-luc-bat-nguyen-duy.html?langid=1>